

Bản án số: 03/2024/KDTM-PT

Ngày 06 - 9- 2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phi Long

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Khánh Vân

Ông Trương Quyết Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2024/TLPT-KDTM ngày 07/5/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*” do bản án sơ thẩm số 03/2024/KDTM-ST ngày 20/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 983/2024/QĐ-PT ngày 05/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 1185/2024/QĐ-PT ngày 24/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty D

Địa chỉ: Khu công nghiệp T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Việt T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn:

- Ông Phạm Huy Đức; Bà Phạm Lê P - Có mặt

- Bà Nguyễn Thị Hoài P; Ông Lê Đăng T; Ông Nguyễn Bảo L - Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Công ty D. Khu công nghiệp T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

2. Bị đơn: Công ty T

Địa chỉ: Số 106, đường Nguyễn Văn T, phường 08, quận Phú N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông C - Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn T; Bà Ngô Thị D; Ông Trần Quốc Đ; Bà Đồng Khánh P.
Cùng địa chỉ: Công ty T. Lầu 11, Tòa nhà Centre Point, số 106, đường Nguyễn Văn T, phường 08, quận Phú N, Thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt.

- Bà Nguyễn Minh Thủy T. Địa chỉ: Công ty T. Lầu 11, Tòa nhà Centre Point, số 106, đường Nguyễn Văn T, phường 08, quận Phú N, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Công ty D trình bày:

Ngày 26/11/2011 Công ty D (sau đây gọi là CÔNG TY D) ký hợp đồng số 26.12.2011/HD-CÔNG TY D về gói thầu số 3 với 5 nhà thầu liên doanh gồm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn đại chúng TTCL; Công ty T (sau đây gọi là CÔNG TY T); Công ty cổ phần thiết kế công nghiệp hoá chất; Công ty trách nhiệm hữu hạn kỹ thuật và đóng tàu Mitsui; Tổng công ty cổ phần xây dựng công nghiệp Việt Nam.

Nội dung hợp đồng: Thiết kế kỹ thuật mặt bằng và toàn bộ các hạng mục công trình trong nhà máy; Thiết kế, chuyển giao công nghệ, mua sắm vật tư thiết bị, xây lắp, vận hành các xưởng sản xuất chính và một số hạng mục đồng bộ có liên quan đến Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất phân bón Diamôn Phốt phát (DAP) số 2. Địa điểm thực hiện hợp đồng: Khu công nghiệp T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Trong đó 5 nhà thầu trên, CÔNG TY T là nhà thầu Việt Nam tham gia cung cấp thiết bị cho dự án và thực hiện một số phần việc khác theo hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, một số nhà thầu trong đó có CÔNG TY T có thay đổi thông số kỹ thuật, số lượng, xuất xứ của thiết bị so với hợp đồng. CÔNG TY D và các nhà thầu đã nhiều lần tổ chức họp để xem xét phương án giải quyết đối với các thiết bị có thay đổi. Theo đó hai bên thống nhất để CÔNG TY D đứng ra thuê đơn vị có chức năng thẩm định lại giá của các thiết bị có thay đổi so với hợp đồng. Các phiên họp thống nhất hai bên sẽ ký phụ lục hợp đồng sau khi thực hiện xong thẩm định giá của các thiết bị có thay đổi thông số kỹ thuật.

CÔNG TY D đã ký hợp đồng thẩm định giá với Công ty cổ phần giám định thẩm định Sài Gòn (gọi tắt là SG) và CÔNG TY D đã thanh toán 50% giá trị hợp đồng cho SG tương đương 137.500.000 đồng. Do CÔNG TY T không cung cấp tài liệu có giá nên SG không thể tiến hành thẩm định được và CÔNG TY D phải chấm dứt hợp đồng với SG.

Ngày 14/11/2017, CÔNG TY D đã ký hợp đồng với Công ty trách nhiệm hữu hạn Thẩm định giá và đại lý thuế Việt Nam (gọi tắt là VTA) tiến hành thẩm định giá và đã thanh toán cho VTA số tiền chi phí thẩm định giá là 443.240.000 đồng. Sau khi thẩm định giá, CÔNG TY D đã cung cấp kết quả cho nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thanh toán chi phí thẩm định giá nhưng nhà thầu không thực hiện. Ngày 09/02/2021 CÔNG TY D có Văn bản số 193/2021/CV-CÔNG TY D về việc giải quyết tồn đọng về quyết đoán, trong đó tại mục 5 đã yêu cầu nhà thầu thanh toán chi phí thẩm định thiết bị có thay đổi so với hợp đồng thời gian không muộn hơn ngày 26/02/2021. Tuy nhiên hết thời hạn trên nhà thầu vẫn không thanh toán.

Ngày 25/3/2022, CÔNG TY D khởi kiện CÔNG TY T ra Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam, yêu cầu CÔNG TY T thanh toán một phần chi phí thẩm định giá tương ứng 97.512.800 đồng (Số tiền được phân bổ dựa trên tỷ lệ giá thiết bị sau thẩm định của từng nhà thầu trên tổng giá trị thiết bị sau thẩm định của toàn bộ thiết bị thay đổi so với hợp đồng). Theo đó giá thiết bị sau thẩm định của CÔNG TY T chiếm 22% tổng giá trị toàn bộ thiết bị có thay đổi nên CÔNG TY T phải thanh toán 22% chi phí thẩm định giá.

Ngày 18/01/2023 Hội đồng trọng tài ra phán quyết số 105/VIAC vụ tranh chấp số 17/22 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của CÔNG TY D, buộc CÔNG TY T phải thanh toán cho DAP số tiền phí thẩm định là 97.512.800 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 16.937.840 đồng. Tuy nhiên phán quyết sau đó bị huỷ bởi quyết định số 868/QĐ-PQTT ngày 05/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Do đó Công ty CÔNG TY D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B giải quyết buộc Công ty T (CÔNG TY T) phải thanh toán cho CÔNG TY D khoản chi phí thẩm định giá là 97.512.800 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 29/8/2023 là 24.364.824 đồng.

Bị đơn Công ty T (viết tắt CÔNG TY T) trình bày:

Yêu cầu khởi kiện của công ty CÔNG TY D đã hết thời hiệu khởi kiện. Lý do vì thực tế CÔNG TY D đã biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm kể từ thời điểm CÔNG TY D thực hiện thanh toán chi phí phát sinh. Tuy nhiên khi nhà thầu đưa ra ý kiến đề bác bỏ và phản đối việc chịu trách nhiệm đối với khoản tiền này thì CÔNG TY D đã không thực hiện quyền khởi kiện. Cụ thể thời điểm bắt đầu thời hiệu khởi kiện là ngày 27/12/2017 (ngày CÔNG TY D thanh toán cho công ty thẩm định giá VTA) nên thời điểm kết thúc thời hiệu là 27/12/2019. Do vậy CÔNG TY D đã mất quyền khởi kiện.

Đối với việc thẩm định giá thiết bị, theo biên bản họp ngày 08-09/6/2017 các bên thống nhất lựa chọn SG làm đơn vị thẩm định giá. Tuy nhiên trong quá trình thẩm định giá, SG yêu cầu cung cấp hợp đồng mua bán thiết bị giữa nhà thầu với đơn vị cung cấp có giá đầy đủ, khác với thống nhất ban đầu là chỉ cung cấp hợp đồng che giá nên CÔNG TY D đã chấm dứt hợp đồng với SG. Kết quả SG không phát hành chứng thư thẩm định giá. CÔNG TY T đã chi trả phí cho SG là

6.141USD. Kể từ thời điểm chấm dứt hợp đồng với SG, hai bên chưa thống nhất về việc lựa chọn đơn vị thẩm định giá khác. Việc DAP tự lựa chọn VTA để định giá là đơn phương không thông báo cho CÔNG TY T biết nên đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền thương lượng, thỏa thuận chi phí thẩm định giá cũng như quyền giao kết, ký kết hợp đồng với đơn vị thẩm định giá của CÔNG TY T. Bị đơn đề nghị Tòa án bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của CÔNG TY D.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2024/KDTM-ST ngày 20/3/2024 của Tòa án nhân dân thành huyện B, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ các Điều 30, 35, 40, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 278 Bộ luật dân sự; Điều 306, 319 Luật Thương mại; Điều 113, 138 Luật xây dựng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty D.

Buộc Công ty T phải hoàn trả cho Công ty D số tiền chi phí thẩm định giá là 97.512.800 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán đến ngày xét xử là 29.841.588 đồng. Tổng cộng là 127.354.388 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Ngày 01/4/2024, Bị đơn Công ty T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án số 03/2024/KDTM-ST ngày 20/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai theo hướng bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đều đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 308; Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bị đơn huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của Bị đơn Công ty T nộp trong hạn luật định, có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, là căn cứ để Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm theo quy định.

[2] Xét nội dung kháng cáo của Bị đơn Công ty T:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện:

Theo Đơn khởi kiện, Nguyên đơn Công ty D (gọi tắt CÔNG TY D) yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn Công ty T (gọi tắt: CÔNG TY T) phải thanh toán cho CÔNG TY D khoản chi phí thẩm định giá là 97.512.800 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 29/8/2023 là 24.364.824 đồng. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp xuất phát từ việc thực hiện Hợp đồng số 26.12.2011/HĐ-CÔNG TY D ngày 26/11/2011 giữa CÔNG TY D với 5 nhà thầu liên doanh trong đó có CÔNG TY T là nhà thầu Việt Nam tham gia cung cấp thiết bị cho dự án và thực hiện một số phần việc khác theo hợp đồng. Nguyên đơn cho rằng trong quá trình thực hiện hợp đồng, CÔNG TY T đã nhiều lần thay đổi thông số kỹ thuật, số lượng, xuất xứ của thiết bị so với hợp đồng, nên CÔNG TY D và các nhà thầu đã nhiều lần tổ chức họp để xem xét phương án giải quyết đối với các thiết bị có thay đổi.

Sau khi các bên thống nhất về việc Chủ đầu tư (CÔNG TY D) thực hiện thẩm định giá các thiết bị có thay đổi thông số kỹ thuật và xuất xứ thì CÔNG TY D đã ký Hợp đồng định giá với Công ty cổ phần giám định thẩm định Sài Gòn (gọi tắt: SG), tuy nhiên do không có đủ tài liệu nên không tiến hành thẩm định được. Do đó, ngày 14/11/2017 CÔNG TY D đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Thẩm định giá và đại lý thuế Việt Nam (gọi tắt: VTA) và đã thanh toán số tiền chi phí thẩm định giá là 443.240.000 đồng.

Xét thấy, tranh chấp giữa các bên phát sinh từ quá trình thực hiện Hợp đồng xây dựng nên xác định là tranh chấp thương mại. Tại Điều 319 Luật Thương mại: *“Thời hiệu khởi kiện áp dụng đối với các tranh chấp thương mại là hai năm, kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 237 của Luật này”*. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn CÔNG TY T cho rằng cần xác định thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp của CÔNG TY D bị xâm phạm là ngày 27/12/2017 tức là ngày mà CÔNG TY D thanh toán chi phí thẩm định cho VTA, đến thời điểm CÔNG TY D khởi kiện thì đã quá 2 năm nên thời hiệu đã hết. Nguyên đơn CÔNG TY D cho rằng sau khi có kết quả thẩm định giá của VTA thì ngày 09/02/2021 CÔNG TY D đã có Văn bản số 193/2021/CV-CÔNG TY D về việc giải quyết tồn đọng về quyết toán, trong đó tại mục 5 đã yêu cầu nhà thầu thanh toán chi phí thẩm định thiết bị có thay đổi so với hợp đồng, thời gian không muộn hơn ngày 26/02/2021 nên xác định thời điểm tính thời hiệu là từ sau ngày 26/02/2021.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thấy rằng, thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp của CÔNG TY D bị xâm phạm liên quan đến khoản tiền chi phí thẩm định giá là ngày 27/12/2017 tức là ngày CÔNG TY D thanh toán chi phí thẩm định giá cho VTA là phù hợp. Bởi lẽ, trong quá trình thực hiện hợp đồng kể từ khi phát sinh việc có sự thay đổi về thông số kỹ thuật, số lượng, xuất xứ của các thiết bị so với hợp đồng thì giữa CÔNG TY D với các nhà thầu trong đó có CÔNG TY T đã nhiều lần họp, thỏa thuận để giải quyết trong đó có thỏa thuận về việc thực hiện thẩm định giá đối với thiết bị có sự thay đổi (Biên bản họp 3 bên ngày 26.4.2017 giữa CÔNG TY D; CÔNG TY T và SG). Sau khi có sự đồng thuận, CÔNG TY D đã ký Hợp đồng thẩm định giá với đơn vị thẩm định giá là SG, đồng thời đưa ra yêu cầu thanh toán đối với CÔNG TY T kể từ ngày SG báo giá chi phí thẩm định giá. Sau khi chấm dứt hợp đồng thẩm định giá với SG, CÔNG TY D tiếp tục ký hợp đồng với VTA và đã trả tiền thẩm định cho VTA, thì CÔNG TY D phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm để có yêu cầu các nhà thầu thanh toán chi phí thẩm định giá. Tuy nhiên, ngày 27/12/2017 CÔNG TY D đã thanh toán chi phí thẩm định giá cho VTA, nhưng đến ngày 09/02/2021 mới có văn bản yêu cầu CÔNG TY T thanh toán là không phù hợp. Như vậy, xác định thời điểm CÔNG TY D biết và phải biết quyền lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm liên quan đến việc thanh toán chi phí thẩm định giá cho VTA là ngày 27/12/2017 đến ngày 09/02/2021 CÔNG TY D mới có văn bản yêu cầu CÔNG TY T thanh toán khoản phí thẩm định thì đã hết thời hạn 02 năm theo quy định tại Điều 319 Luật Thương mại. Bản án sơ thẩm nhận định yêu cầu khởi kiện của CÔNG TY D vẫn còn thời hiệu khởi kiện là không phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc CÔNG TY T thanh toán, chi trả tiền thẩm định:

Trong Đơn kháng cáo và bản trình bày ý kiến tại cấp phúc thẩm, bị đơn CÔNG TY T cho rằng Hợp đồng xây dựng số 26.12.2011/HD-CÔNG TY D ngày 26/12/2011 không có bất kỳ điều khoản nào quy định CÔNG TY T có nghĩa vụ phải thanh toán cho CÔNG TY D chi phí thẩm định giá liên quan đến thay đổi thiết bị. Quá trình giải quyết vụ án CÔNG TY D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh CÔNG TY T đồng ý chọn VTA là đơn vị thẩm định và đồng ý chi trả tiền thẩm định cho VTA như CÔNG TY T đã từng thỏa thuận với CÔNG TY D về việc lựa chọn Công ty cổ phần Giám định thẩm định Sài Gòn (SG). Ngoài ra, việc CÔNG TY T nhất trí thanh toán chi phí thẩm định của SG là sự tự nguyện và thiện chí của CÔNG TY T trong việc hợp tác với Chủ đầu tư nhằm đánh giá ảnh hưởng của các thiết bị đến mục tiêu chất lượng và mục đích sử dụng ban đầu của Dự án chứ không phải nghĩa vụ của CÔNG TY T được ràng buộc theo Hợp đồng.

Xét thấy: Hợp đồng xây dựng số 26.12.2011/HD-CÔNG TY D ngày 26/12/2011 giữa Chủ đầu tư CÔNG TY D với 5 nhà thầu trong đó có CÔNG TY T mặc dù không có thỏa thuận cụ thể về việc CÔNG TY T phải có nghĩa vụ thanh toán cho CÔNG TY D chi phí thẩm định giá liên quan đến thay đổi thiết bị, tuy

nhiên tại mục 11.2 Điều 11 Hợp đồng quy định về trách nhiệm đối với các sai sót như sau:

“Tất cả công việc được nêu trong phần (b) của khoản 11.1 [hoàn thành công việc dở dang và sửa chữa sai sót] sẽ được tiến hành và Nhà thầu phải chịu rủi ro và các chi phí, nếu và ở mức độ công việc được quy cho là:

a.....

b. Thiết bị, các vật liệu hoặc tay nghề không phù hợp với Hợp đồng”.

Theo đó, trường hợp thiết bị, các vật liệu hoặc tay nghề không phù hợp với Hợp đồng thì Nhà thầu phải chịu rủi ro và các chi phí liên quan.

Sau khi có sự thay đổi thông số kỹ thuật, số lượng, xuất xứ của thiết bị so với hợp đồng thì CÔNG TY D và các nhà thầu đã nhiều lần tổ chức họp để xem xét phương án giải quyết. Tại Biên bản họp ngày 31/3/2017 và ngày 20/4/2017 các bên thống nhất về việc Chủ đầu tư (CÔNG TY D) thực hiện thẩm định giá của các thiết bị có thay đổi thông số kỹ thuật và xuất xứ. Ngày 26.4.2017 CÔNG TY D cùng với CÔNG TY T và công ty thẩm định SG thỏa thuận nhất trí để SG thực hiện công việc thẩm định, phí thẩm định CÔNG TY T nhất trí mức giá là 250.000.000 đồng. Về việc cung cấp hồ sơ thẩm định giá, ngày 10 và 11.5.2017, CÔNG TY D cùng với CÔNG TY T thống nhất cung cấp hợp đồng *che giá* và CÔNG TY T đã thực hiện đúng thỏa thuận, đến ngày 29.6.2017, CÔNG TY D đã có văn bản phản hồi với đơn vị thẩm định là SG về việc tài liệu đã được cung cấp đủ theo thỏa thuận giữa CÔNG TY D với SG, như vậy việc không tiến hành thẩm định được là do lỗi của CÔNG TY D với SG không phải do lỗi của CÔNG TY T, tuy nhiên phần chi phí thẩm định này đã được CÔNG TY T chi trả. Như vậy có thể thấy rằng trong quá trình SG thực hiện thẩm định giá thì các bên đều có biên bản họp trong đó có nội dung thống nhất liên quan đến việc cung cấp hồ sơ cho công tác thẩm định, phí dịch vụ thẩm định, nội dung biên bản họp ghi cụ thể đơn vị thẩm định giá là SG. Tuy nhiên, sau khi CÔNG TY D chấm dứt hợp đồng với SG mà không phải do lỗi CÔNG TY T và tự ý ký hợp đồng thẩm định với VTA mà không có ý kiến gì với các nhà thầu là thiếu sót.

Từ những phân tích trên thấy rằng, mặc dù việc thực hiện thẩm định giá các thiết bị có thay đổi so với Hợp đồng phát sinh từ lỗi của CÔNG TY T khi thay đổi các thiết bị so với hợp đồng nên chi phí thẩm định giá được xác định là chi phí liên quan, CÔNG TY T phải chịu khoản chi phí này là phù hợp với thỏa thuận hợp đồng. Thực tế, CÔNG TY T cũng đã nhất trí và đã thanh toán chi phí thẩm định cho SG, nhưng khi CÔNG TY D chấm dứt hợp đồng với SG và ký hợp đồng với VTA đã không thông báo, thỏa thuận với các nhà thầu trong đó có CÔNG TY T. Việc không thẩm định được giá là do lỗi của CÔNG TY D, nên CÔNG TY D khởi kiện yêu cầu CÔNG TY T có trách nhiệm phải trả chi phí thẩm định giá lần 2 là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Trên cơ sở những nhận định ở phần trên, thấy rằng kháng cáo của Bị đơn Công ty TNHH TTCL Việt Nam về thời hiệu khởi kiện là có căn cứ chấp nhận. Ngoài ra, trường hợp thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì yêu cầu khởi kiện của CÔNG

TY D cũng không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần sửa Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

[4] Về án phí:

Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên Nguyên đơn Công ty D phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, nên người kháng cáo không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 278 Bộ luật Dân sự; Điều 306, Điều 319 Luật Thương mại; Điều 113, Điều 138 Luật Xây dựng.

1. Chấp nhận kháng cáo của Bị đơn Công ty T. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2024/KDTM-ST ngày 20/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai như sau:

Xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty D về việc: Buộc Công ty T phải hoàn trả cho Công ty D số tiền chi phí thẩm định giá là 97.512.800 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán đến ngày xét xử là 29.841.588 đồng. Tổng cộng là 127.354.388 đồng.

2. Về án phí:

Về án phí sơ thẩm: Công ty D phải chịu 6.367.700 đồng (*Sáu triệu, ba trăm sáu mươi bảy nghìn, bảy trăm đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 3.046.900 đồng (*Ba triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn, chín trăm đồng*). Công ty D còn phải nộp 3.320.800 đồng (*Ba triệu, ba trăm hai mươi nghìn, tám trăm đồng*) tiền án phí sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Công ty T không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Trả lại cho Công ty T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/23P, số 0000873 ngày 25/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

“Trò hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người

phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7 a, 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Phi Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC THẨM PHÁN

Trương Quyết Thắng

Trần Thị Khánh Vân

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Phi Long